TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2017/QĐDS-ST

Ngày 08/11/2017

V/v: "Tuyên bố một người mất tích"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Dương Văn Hải - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh- Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên họp:
Ông Vũ Thanh T- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 56/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2017 về yêu cầu "Tuyên bố một người mất tích". Theo Quyết định mở phiên họp số: 03/2017/QĐPH-ST ngày 30 tháng 10 năm 2017.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Vũ Văn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số nhà A, tổ dân số Z, đường N, phường X, thành phố B, **tỉnh Bắc Giang.**

2. Người bị yêu cầu: Chị Nguyễn Quế N, **sinh năm:** 1978.

Địa chỉ: Số nhà A, tổ dân số Z, đường N, phường X, thành phố B, **tỉnh Bắc Giang.**

Nơi cư trú cuối cùng: Số nhà A, tổ dân số Z, đường N, phường X, thành phố B, **tỉnh Bắc Giang.**

(Anh T có mặt, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VÀ NHỮNG YÊU CẦU TOÀ ÁN GIẢI QUYẾT:

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai và tại phiên họp hôm nay anh Vũ Văn T là người yêu cầu trình bày: Anh và chị Nguyễn Quế N kết hôn với nhau ngày 05 tháng

02 năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố B. Sau khi kết hôn anh và chị N chung sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số nhà A, cụm 3 (nay là tổ dân phố số Z), đường P (nay là đường N), phường X, thành phố B, **tỉnh Bắc Giang. Trong** thời gian chung sống thì giữa anh và chị N vẫn hoà thuận và hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 7/2004, chị N đi lao động ở nước ngoài. Sau khi hết hạn hợp đồng lao động ở nước ngoài thì tháng 3 năm 2008 chị N về nước và cùng chung sống với anh tại phường X, thành phố B, thời gian này vợ chồng và gia đình đều hoà thuận và không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, đến tháng 5 năm 2008 chị N tự bỏ nhà đi mà không thông báo cho anh và gia đình là đi đâu, làm gì. Sau khi chị N bỏ nhà đi b**ản thân anh và gia đình đã** cố gắng **tìm kiếm** chị N **nh□ng không thấy tin tức** chị N **ở đâu. Từ đó đến nay anh và gia đình**, người thân của chị N **không ai nhận đ□ợc tin tức gì của** chị N**, c**hị N **cũng không liên lạc hay viết th□** về cho chồng con, gia đình và người thân của chị N**.** Đến nay đã hơn 09 năm, bản thân anh và gia đình cũng như người thân của chị N không có tin tức gì về việc chị N còn sống hay đã chết. Do vậy, **anh đề nghị Tòa án tuyên bố** chị Nguyễn Quế N **mất tích** theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh T không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề gì khác.

Sau khi thụ lý việc dân sự theo yêu cầu của anh T, Toà án đã thông báo tìm kiếm chị N trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định tại Điều 388 Bộ luật tố tụng dân sự. Đã hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng phát thông báo lần đầu tiên nhưng vẫn không có tin tức gì của chị N.

Tại phiên họp hôm nay anh Vũ Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên bố chị Nguyễn Quế N mất tích.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự. Đề nghị Thẩm phán áp dụng:

- Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 369, và Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Văn T.

2. Tuyên bố chị Nguyễn Quế N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số nhà A, tổ dân số Z, đường N, phường X, thành phố B, **tỉnh Bắc Giang** mất tích.

3. Anh T phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố B nhận định:

Anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Quế N kết hôn với nhau ngày 05 tháng 02 năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố B. Sau khi kết hôn T và chị N chung sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số nhà 56, cụm 3 (nay là tổ dân phố số 3), đường Phùng Trạm (nay là đường Nguyễn Duy Năng), phường X, thành phố B, **tỉnh Bắc Giang.** Đến tháng 5 năm 2008 chị N bỏ đi mà không thông báo cho anh T và gia đình, người thân là đi đâu, làm gì. Sau khi chị N bỏ nhà đi b**ản thân anh và gia đình đã** cố gắng **tìm kiếm** chị N **nh□ng không** biết **tin tức** chị N **ở đâu.** Toà án đã tiến hành xác minh qua Công an phường và chính quyền địa phương nơi chị Nguyễn Quế N cư trú cho thấy: Từ tháng 5 năm 2008 đến nay chị N không sinh sống tại địa phương, không làm thủ tục cắt khẩu, chuyển khẩu đi đâu, không xin tạm vắng nên chính quyền địa phương không ai biết chị N đi đâu, làm gì. Theo bà Vũ Thị Sửu (mẹ chị N) cho biết, mặc dù gia đình đã nhiều năm tìm hỏi nhưng từ tháng 5/2008 cho đến nay gia đình không có tin tức gì về chị N. Toà án đã thông báo tìm kiếm chị N trên các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định tại Điều 388 Bộ luật tố tụng dân sự. Đã hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng phát thông báo lần đầu tiên nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì của chị N. Điều đó, có cơ sở xác định chị Nguyễn Quế N đã biệt tích từ tháng 5 năm 2008 đến nay mà không có tin tức gì xác thực về việc chị N ở đâu. Nay anh Vũ Văn T yêu cầu Toà án tuyên bố chị N mất tích là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Người yêu cầu không đề nghị Toà án áp dụng biện pháp quản lý tài sản của người bị yêu cầu tuyên bố mất tích. Do vậy, Tòa án không đặt ra giải quyết.

Về lệ phí: Anh Vũ Văn T phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27, khoản 2 Điều 35 và các Điều 369, 370, 371, 372, 389 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Vũ Văn T.

Tuyên bố chị Nguyễn Quế N, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú cuối cùng: Số nhà A, cụm 3 (nay là tổ dân phố số Z), đường P (nay là đường N), phường X, thành phố B, **tỉnh Bắc Giang** mất tích.

2. Về lệ phí: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số AA/2014/0001278 ngày 29/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Chị Nguyễn Quế N có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày niêm yết quyết định.

Nơi nhận:
- VKSND TP B;
- Chi cục THA TP B;
- UBND phường X
- Người yêu cầu;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Dương Văn Hải